

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ TRONG CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ Ở VIỆT NAM - KHẢO SÁT BƯỚC ĐẦU VÀ KHUYẾN NGHỊ

PGS.TS. VŨ THỊ PHỤNG

Trường Đại học Khoa học XH&NV Hà Nội

1. Vai trò của tài liệu lưu trữ (TLLT) đối với nghiên cứu lịch sử

Trong lĩnh vực khoa học, TLLT là nguồn tư liệu không thể thiếu, được sử dụng phổ biến trong các công trình nghiên cứu, đặc biệt là các công trình nghiên cứu về khoa học xã hội¹. Đối với khoa học lịch sử, cho đến nay, đã có nhiều ý kiến ghi nhận vai trò của TLLT với tư cách là một nguồn sử liệu đặc biệt quan trọng - Philippe Le Failler (Trường Viễn đông Bác cổ - EFEO) đã viết: "Các TLLT quốc gia trước hết được định nghĩa như ký ức của nhà nước và vì thế... chúng là toàn bộ các tư liệu liên quan đến lịch sử xã hội" nên "những nhà nghiên cứu lịch sử và phá hệ là những người sử dụng các nguồn lưu trữ nhiều nhất"². Còn Giáo sư sử học Vũ Dương Ninh cho rằng TLLT "cung cấp cho các nhà nghiên cứu nguồn tư liệu đương thời xác thực, để từ đó có thể nhìn rõ hơn một thời kỳ đã qua, đánh giá đúng đắn các sự kiện và nhân vật, tạo dựng hình ảnh chân xác hơn, gần với thực tiễn khách quan hơn. Qua đó hiệu đính những sai sót của các công trình đã công bố, đính chính những sự kiện không chính xác, thậm chí bác bỏ những chứng cứ nguy tạo. Từ đó, có thể nhìn nhận lịch sử từ nhiều góc độ khác nhau để tiếp cận đúng đắn hơn với quá khứ, rút ra những kinh nghiệm thiết thực và bổ ích cho mai sau"³. TS. Vũ Thị Minh Hương, Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước cũng đã phân tích và khẳng định: "Đối với khoa học lịch sử, TLLT là một nguồn sử liệu chứa đựng các thông tin gốc về quá khứ, phản ánh toàn diện, đầy đủ, mọi mặt đời sống xã hội. Vì vậy, TLLT được các nhà nghiên cứu lịch sử trong

mọi thời đại đặc biệt quan tâm, được sử dụng phổ biến để nghiên cứu lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ. Với giá trị đặc biệt của mình, TLLT đang phục vụ đắc lực cho việc nghiên cứu lịch sử trên hai phương diện cơ bản: TLLT với tư cách là nguồn sử liệu trong nghiên cứu, biên soạn lịch sử và TLLT góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề trong nghiên cứu các sự kiện lịch sử"⁴.

Và để khái quát vai trò của TLLT đối với các nhà nghiên cứu lịch sử, xin dẫn lại ý kiến của PGS.TSKH Nguyễn Hải Kế, Chủ nhiệm Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXHNV Hà Nội trong tham luận khoa học công bố năm 2010: "Tài liệu lưu trữ là con tàu đưa chúng ta về với lịch sử"⁵.

Sở dĩ TLLT được các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý đánh giá là một "nguồn sử liệu đặc biệt quan trọng" như vậy là vì những lý do sau:

- Thứ nhất, TLLT được sinh ra đồng thời hoặc gần với thời điểm xảy ra, diễn ra các sự kiện lịch sử, vì thế thông tin trong TLLT phản ánh khách quan các sự kiện lịch sử.

- Thứ hai, phần lớn TLLT là bản gốc, bản chính và trong nhiều trường hợp là độc bản. Đây là đặc điểm rất riêng biệt của TLLT, tạo độ chân xác - một trong những yếu tố được các nhà sử học đặc biệt quan tâm.

Với đặc điểm này, hầu hết các TLLT đều là thông tin cấp 1, nên có giá trị đặc biệt khi được sử dụng như là những minh chứng đáng tin cậy cho các sự kiện, các vấn đề lịch sử. Đây là giá trị mang tính đặc thù mà ít nguồn sử liệu nào khác có thể có được vì nó tạo sự tin cậy không chỉ đối với người nghiên

cứu mà cả những người sử dụng các công trình đó.

- *Thứ ba*, do được chọn lọc và bảo quản trong các cơ quan lưu trữ nên TLLT luôn luôn có địa chỉ tra tìm cụ thể, gồm các thông tin tối giản như: Tên cơ quan hoặc tổ chức bảo quản tài liệu; Tên hoặc số Phòng hay tên của khối tài liệu; Số Mục lục hồ sơ; Số Hồ sơ; Tên tài liệu trong hồ sơ và số trang.

Với những đặc điểm trên đây, có thể thấy tài liệu lưu trữ là một nguồn sử liệu đặc biệt, có nội dung phong phú, có độ chân xác và độ tin cậy cao đối với các nhà nghiên cứu lịch sử. Chính vì vậy, những công trình nghiên cứu lịch sử có sử dụng và sử dụng nhiều TLLT luôn được đánh giá cao.

2. Tình hình khai thác, sử dụng TLLT trong các công trình nghiên cứu lịch sử ở Việt Nam – Một vài khảo sát bước đầu

Với những nhận thức về giá trị của TLLT như trên, trong những năm qua, giới sử học Việt Nam đã khai thác, sử dụng TLLT với tư cách là một nguồn sử liệu không thể thiếu trong các công trình nghiên cứu về lịch sử.

Để tái dựng lịch sử dân tộc và lịch sử các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội Việt Nam thời phong kiến, cùng với việc khai thác thông tin trong thư tịch cổ, trong nhiều năm trở lại đây, các nhà sử học đã tăng cường khai thác và sử dụng nguồn TLLT là các châu bản và địa bạ (hiện đang bảo quản tại các TTLTQG), tiêu biểu là các công trình nghiên cứu về làng xã và chế độ ruộng đất, về bộ máy nhà nước và hệ thống quan lại, về lịch sử và văn hóa Thăng Long - Hà Nội⁶.

Trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam thời kỳ hiện đại, do TLLT về giai đoạn này được giữ lại khá nhiều, nên hầu như các công trình nghiên cứu lịch sử ít nhiều đều có khai thác và sử dụng thông tin từ các TLLT. Gần đây, khi triển khai một số công trình nghiên cứu về lịch sử, đặc biệt là hai công trình lớn: Lịch sử Quốc hội và Lịch sử Chính phủ, các tác giả đã có kế hoạch và dành rất nhiều thời gian, công sức cho việc khai thác triệt để nguồn tài liệu tại các cơ quan lưu trữ của Đảng, các TTLTQG và Lưu trữ ở các địa phương. Chính vì vậy, các công trình này đã được các nhà khoa học và độc giả đón nhận cũng như

được giới nghiên cứu trong và ngoài nước đánh giá cao về độ tin cậy do có sử dụng nhiều sử liệu gốc là TLLT, có địa chỉ tra tìm rõ ràng và cụ thể⁷.

Tuy nhiên, như nhiều nhà nghiên cứu đã từng nhận xét, bên cạnh những công trình có sử dụng TLLT, vẫn còn nhiều công trình chưa chú ý hoặc chưa tích cực khai thác và sử dụng nguồn tư liệu này, ngay cả khi việc khai thác chúng không mấy khó khăn. Trong một tham luận gần đây, giáo sư Vũ Dương Ninh đã từng nhận xét: Trong nhiều công trình nghiên cứu lịch sử *"tài liệu được sử dụng đều thuộc loại hai, loại ba mà không phải loại gốc. Đó chính là một trong những lý do làm cho sách sử ở ta in ấn thì nhiều nhưng độ hấp dẫn không bao nhiêu, thường tựa tựa giống nhau, nhân nhật như nhau, không nhiều sự kiện mới, cũng không có quan điểm nổi bật"*⁸.

Trong quá trình thực hiện bài viết này, chúng tôi đã đọc lại nhiều công trình nghiên cứu lịch sử là các cuốn sách chuyên khảo hay các bài viết trong kỷ yếu hội thảo hoặc các công trình công bố trên tạp chí khoa học và thấy các chú thích về nguồn tư liệu được khai thác từ TLLT hầu như rất ít, mà chủ yếu là chú thích từ các sách chuyên khảo khác hoặc từ các nguồn thông tin cấp 2, cấp 3. Tình trạng công trình này dẫn lại số liệu của công trình kia, rồi công trình tiếp sau tiếp tục dẫn lại của công trình trước đó khá phổ biến. Đặc biệt, trong một số công trình, khi đưa ra rất nhiều số liệu cụ thể, chẳng hạn: Số lượng quân Pháp, quân Mỹ đưa vào Việt Nam, hoặc số lượng quân địch bị ta tiêu diệt; Địa hình và số liệu về dân cư ở một địa phương vào thời điểm cách xa ngày nay... rất cụ thể, nhưng lại không chú dẫn nguồn tư liệu. Điều đó đã phần nào làm cho những nhận định và đánh giá của tác giả trở nên thiếu độ tin cậy đối với người đọc.

Để tìm hiểu tỷ lệ sử dụng nguồn tài liệu lưu trữ so với các nguồn sử liệu khác trong các công trình nghiên cứu lịch sử ở Việt Nam, chúng tôi đã chọn một số công trình nghiên cứu lịch sử được công bố trong khoảng 10 năm trở lại đây và làm một thống kê đơn giản: Thống kê tổng số các chú thích

và phân loại các chú thích theo loại hình sử liệu⁹, gồm:

- Loại chú thích làm rõ các từ, thuật ngữ hoặc các chi tiết khác, không ghi nguồn (1)
- Loại chú thích dẫn thông tin, số liệu hoặc trích dẫn từ các công trình nghiên cứu đã xuất bản trước đó (2).
- Loại chú thích từ nguồn tư liệu báo và tạp chí (3)
- Loại chú thích từ nguồn tư liệu là các thư tịch cổ (4)
- Loại chú thích từ TLLT (5)
- Loại có chú thích tư liệu nhưng không rõ nguồn (6)

Qua số liệu thống kê, cho thấy: Tỷ lệ các chú thích từ nguồn TLLT chỉ chiếm khoảng từ 9 - 15% trong tổng số các chú thích. Trong khi đó, chú thích từ nguồn tài liệu là các xuất bản phẩm luôn luôn chiếm tỷ lệ 30%. Ngoài ra, trong các chú thích từ nguồn TLLT thì có nhiều tài liệu đã được công bố trong các xuất bản phẩm. Đối với loại hình sử liệu này, tuy đều là các tài liệu đang được bảo quản trong các cơ quan lưu trữ, nhưng trong quá trình công bố, do nhiều nguyên nhân, không thể tránh khỏi có một số sai lệch về thông tin và số liệu, vì thế độ tin cậy cũng bị ảnh hưởng ít nhiều. Nếu chỉ xem xét các TLLT được khai thác từ hồ sơ gốc (chưa công bố trong các xuất bản phẩm) thì ở các công trình đã được khảo sát, tỷ lệ là khoảng 5%. Tỷ lệ này cho thấy, việc tiếp cận để khai thác và sử dụng **thông tin cấp 1** đối với các nhà nghiên cứu sử học còn nhiều hạn chế.

Từ những thống kê trên, đi tìm lời giải cho câu hỏi: Nếu theo những phân tích và nhận thức của các nhà nghiên cứu thì TLLT là nguồn sử liệu có giá trị đặc biệt, độ tin cậy cao hơn so với các nguồn khác, vậy tại sao tỷ lệ TLLT được sử dụng trong các công trình nghiên cứu lịch sử lại thấp như vậy?

Trong Hội thảo khoa học *Khai thác và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn* do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức tháng 12 năm 2009 (kỷ yếu được xuất bản năm 2010), rất nhiều tham luận của các nhà sử học đã đề cập và thảo luận về vấn đề

trên. Dưới đây xin khái quát một số nguyên nhân cơ bản từ các ý kiến tham luận nói trên:

- **Từ góc độ của các nhà khoa học**, nguyên nhân được nhắc tới nhiều nhất là do *điều kiện và thủ tục tiếp cận với TLLT ở Việt Nam (đặc biệt là thời gian trước đây) còn nhiều hạn chế*. Trong rất nhiều năm, do quan niệm TLLT luôn chứa các thông tin liên quan đến các cơ quan Đảng và Nhà nước, nên có nhiều thông tin cần giữ bí mật, vì vậy việc tuyên truyền, giới thiệu để các nhà nghiên cứu biết đến những nơi lưu trữ tài liệu còn hạn chế. Các cơ quan lưu trữ, một thời được quan niệm như các cơ quan có tính chất bảo mật, nên thường được xây dựng hoặc đặt trụ sở ở những nơi ít người biết. Ngay cả khi người có nhu cầu đến tra tìm và khai thác thì tính phục vụ của các cơ quan lưu trữ còn khá thụ động. Thủ tục để tiếp cận tài liệu tuy không rườm rà, nhưng chia thành nhiều công đoạn (thủ tục xin phép vào lưu trữ, xin phép đọc các hồ sơ cụ thể, xin phép sao chụp tài liệu...) và mỗi công đoạn có trường hợp lại do một cấp khác nhau phê duyệt, vì vậy tốn khá nhiều thời gian chờ đợi của độc giả. Ngoài ra, vấn đề quan trọng nữa là ở Việt Nam, việc *giải mật* để có thể tạo điều kiện tiếp cận rộng rãi với nhiều nguồn TLLT chưa được tiến hành thường xuyên như nhiều nước trên thế giới.

Giáo sư Vũ Dương Ninh cho rằng, sở dĩ các công trình nghiên cứu lịch sử ít sử dụng TLLT vì nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ việc nhà nước chưa có luật hoặc quy chế nào về thời hạn công bố các tài liệu lưu trữ (giải mật) sau 30, 40 hoặc 50 năm. Chính do việc *chậm công khai hóa các TLLT* (không ảnh hưởng đến lợi ích và an ninh quốc gia) đã làm cho hầu hết những người nghiên cứu đều phải dẫn lại hoặc từ sách nước ngoài, hoặc từ nguồn trong nước¹⁰. Chia sẻ với quan điểm trên, một số ý kiến còn cho rằng, các nhà sử học không chỉ khó khăn trong việc tiếp cận các TLLT trong nước mà còn rất *hạn chế trong việc tiếp cận với các TLLT liên quan đến Việt Nam ở nước ngoài*. Ở góc độ này, PGS Phạm Xanh cho rằng: nguồn tài liệu về Việt Nam đang được lưu trữ ở các Trung tâm Lưu trữ nước ngoài

đã tạo ra một khoảng trống về tư liệu. Trong khi đó, một số học giả nước ngoài đã sử dụng các tài liệu này để bình luận về các sự kiện lịch sử của Việt Nam theo quan điểm của họ, sau đó, trong một số trường hợp, các nhà sử học Việt Nam, do không tiếp cận được và cũng không có thông tin cập nhật nên lại phải *"bị động chạy theo họ mà biện luận, giải thích"*¹¹. Ngoài ra, có một số ý kiến cho rằng, tình trạng mất mát, thất thoát và vấn đề chất lượng của các tài liệu hiện đang được bảo quản trong các lưu trữ¹², trình độ và thái độ phục vụ chưa tích cực của một số ít cán bộ lưu trữ... cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng các nhà nghiên cứu ít sử dụng TLLT. Những lý giải trên đây là có cơ sở, tuy nhiên, tình hình này ở Việt Nam hiện nay đã có rất nhiều thay đổi theo chiều hướng tích cực từ phía nhà nước và các cơ quan lưu trữ nhằm tạo nhiều thuận lợi cho các nhà nghiên cứu.

- ***Đứng ở góc độ các cơ quan lưu trữ***, nơi đang quản lý tài liệu, nhiều ý kiến lại cho rằng ở Việt Nam, không ít các nhà nghiên cứu nói chung, trong đó có các nhà nghiên cứu lịch sử *chưa có hoặc chưa tích cực tìm hiểu thông tin về các nguồn TLLT*. Theo kết quả thăm dò của một số cơ quan lưu trữ, không ít các nhà khoa học ở Việt Nam *chưa biết đầy đủ thông tin về mạng lưới các cơ quan lưu trữ* như: các TTLTQG; Lưu trữ của các Bộ, ngành; Lưu trữ của các cơ quan Đảng; Lưu trữ của các tổ chức xã hội và Lưu trữ tại các địa phương. Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, nhiều tác giả muốn có tư liệu gốc nhưng không biết tìm kiếm ở đâu¹³. Điều này được các cơ quan lưu trữ minh chứng qua số lượng các nhà nghiên cứu Việt Nam đến đọc tài liệu thường thấp hơn so với các nhà nghiên cứu nước ngoài, trong khi vấn đề thủ tục vào các lưu trữ đối với người nước ngoài thường phức tạp hơn. Ngoài ra, các cơ quan lưu trữ cũng cho rằng có một nguyên nhân rất đáng lưu ý là, một số nhà khoa học có khai thác tài liệu, nhưng lại *không chú thích nguồn cụ thể theo địa chỉ tra tìm tại các cơ quan lưu trữ*. Vì thế, nên những người nghiên cứu sau đó, khi sử dụng lại, không biết đó là tài liệu được khai thác từ các

cơ quan lưu trữ và không biết đến các lưu trữ để xác minh hoặc tiếp tục tra tìm tài liệu.

3. Một vài khuyến nghị

Có thể nói, vấn đề khai thác và sử dụng TLLT trong nghiên cứu lịch sử là một vấn đề thuộc phương pháp nghiên cứu nói chung, phương pháp sử liệu học nói riêng. Đây là vấn đề lớn và không đơn giản, vì vậy tham luận của chúng tôi chưa thể đặt ra và giải quyết mọi vấn đề liên quan. Tuy nhiên, từ góc độ lưu trữ học, xin khuyến nghị một số vấn đề sau:

- ***Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các nhà khoa học đối với việc tăng cường khai thác và sử dụng TLLT trong các công trình nghiên cứu lịch sử*** để các tài liệu gốc được các nhà sử học, bằng tư duy và phương pháp khoa học, có thể *"phân tích, lý giải và góp phần tái tạo lịch sử đúng như cái đích thực mà nó có"*¹⁴. Để nâng cao nhận thức, trong chương trình đào tạo các môn học thuộc về phương pháp nghiên cứu (đặc biệt là môn Sử liệu học), cần dành thời lượng đáng kể để giới thiệu và phân tích về giá trị của nguồn sử liệu là TLLT, giới thiệu về hệ thống các cơ quan lưu trữ ở Việt Nam và một số nước trên thế giới, thủ tục và các quy định hiện hành về việc tiếp cận và khai thác, sử dụng tài liệu... Bên cạnh đó, việc thẩm định các công trình nghiên cứu lịch sử (sách, tạp chí, báo cáo khoa học...) cần có tiêu chí trong việc xem xét và đánh giá cao việc sử dụng các tư liệu gốc, hoặc chỉ chấp nhận việc sử dụng thông tin cấp II, cấp III trong những trường hợp không có hoặc không thể tiếp cận và khai thác nguồn tư liệu gốc.

- ***Thứ hai, các cơ quan lưu trữ cần tăng cường việc thông tin, quảng bá về hệ thống và phạm vi, thẩm quyền quản lý tài liệu cũng như các thủ tục và hệ thống công cụ trợ giúp độc giả***, để các nhà sử học cập nhật và biết nhiều thông tin về các cơ quan lưu trữ. Hiện nay, để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X và XI về việc phát huy giá trị của TLLT, các cơ quan lưu trữ đã được xây dựng và trang bị hiện đại, hầu hết TLLT đã được tổ chức khoa học, hệ thống công cụ tra cứu thông tin và tinh thần phục vụ đã chuyển

sang trạng thái chủ động, đặc biệt là vấn đề giải mật - một trong những vấn đề phức tạp nhất của lưu trữ Việt Nam cũng đã được đặt ra và đang triển khai thực hiện. Đội ngũ cán bộ lưu trữ đã và đang được đào tạo theo hướng chuyên nghiệp hơn. Những thay đổi đó cũng cần được thông tin đến các nhà nghiên cứu để xóa đi ấn tượng trước đây về những rào cản và khó khăn khi đến các cơ quan lưu trữ.

- Thứ ba, ngoài việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm, các nhà nghiên cứu cũng cần chủ động tìm đến các cơ quan lưu trữ hoặc có thể tiếp cận với các cơ quan lưu trữ qua các Website để có thể nhận được các thông tin và sự trợ giúp. Hiện nay, thủ tục khai thác đang được đơn giản hóa, đặc biệt là việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lưu trữ đang được xúc tiến mạnh mẽ, nhằm giúp độc giả có thể tiếp cận và khai thác tài liệu ở bất cứ đâu (kể cả ở nước ngoài) mà không nhất thiết phải đến các cơ quan lưu trữ (trừ khi cần tài liệu có tính pháp lý để minh chứng trực tiếp hoặc sử dụng các tài liệu hạn chế).

- Thứ tư, chính các nhà nghiên cứu lịch sử cần tự nghiêm túc và có trách nhiệm với các nghiên cứu của mình bằng việc tăng cường sử dụng tài liệu gốc. Những tài liệu này có thể đang được bảo quản trong các kho lưu trữ của nhà nước, nhưng cũng có thể đang được lưu trữ trong dân chúng (TLLT nhân dân). Đây là nguồn "tài liệu" rất phong phú, có độ tin cậy cao hơn so với nhiều nguồn sử liệu khác, góp phần tạo nên chất lượng của công trình và uy tín cho tác giả. Và cho dù các tài liệu này được lưu trữ ở đâu thì khi sử dụng chúng, các nhà nghiên cứu lịch sử cũng cần chú thích rõ ràng, đầy đủ các thông tin tra tìm, địa chỉ nơi lưu trữ hoặc tổ chức, cá nhân đang là chủ sở hữu của các tài liệu đó.

- Thứ năm, giữa các cơ quan lưu trữ với các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học cần có sự hợp tác và liên kết chặt chẽ hơn trong việc phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ. Nếu tại các cơ quan lưu trữ thành lập được các nhóm, gồm các nhân viên giỏi để trợ giúp các nhà nghiên cứu trong việc sưu tầm, chọn lọc và hệ thống tài liệu phục vụ các công trình

nghiên cứu thì các nhà khoa học sẽ có nguồn tư liệu phong phú, đáng tin cậy và giành thời gian cho việc phân tích tư liệu để tái dựng các sự kiện lịch sử của đất nước.

Hiện nay Quốc hội Việt Nam đang tiến hành xây dựng, thảo luận đề tiến tới thông qua **Luật Lưu trữ** trong năm 2011. Hy vọng rằng trong thời gian tới, ý thức và phương pháp khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu lịch sử sẽ được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng các công trình và uy tín của các nhà sử học Việt Nam./.

1. Xem thêm: Kỷ yếu Hội thảo khoa học do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.

2. Xem thêm: Philippe Le Failler (2008): Các loại nguồn và sử dụng tài liệu lưu trữ trong ngành khoa học xã hội. In trong: Những cách tiếp cận phương pháp luận mới ứng dụng trong phát triển. NXB Thế giới, Hà Nội, 2008, trang 12.

3. Vũ Dương Ninh (2010): Kỷ yếu Hội thảo khoa học – Tài liệu đã dẫn (tłđđ), trang 25.

4. Vũ Thị Minh Hương, tlđđ, trang 37.

5. Nguyễn Hải Kế, tlđđ, trang 189.

6. Có thể kể tới một số công trình đã khai thác thông tin chủ yếu từ nguồn TLLT châu bản và địa bạ như: Chế độ công điền, công thổ và lịch sử khẩn hoang, lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh của Nguyễn Đình Đầu; Cảnh quan và di tích lịch sử - văn hóa Hà Nội qua tư liệu địa bạ của PGS.TS Nguyễn Hải Kế...

7. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: Lịch sử Quốc hội Việt Nam (GS Lê Mậu Hãn chủ biên); Lịch sử Chính phủ Việt Nam (Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam);...

8. Vũ Dương Ninh, tlđđ, trang 25.

9. Những công trình mà chúng tôi khảo sát được thống kê trong phần tài liệu tham khảo. Do giới hạn của bài đăng tạp chí, nên chúng tôi không thể đưa các số liệu thống kê chi tiết của từng công trình. Cách phân loại các chủ thích và số liệu thống kê cũng chỉ mang tính tương đối.

10. Vũ Dương Ninh, tlđđ, trang 25.

11. Phạm Xanh, tlđđ, trang 223.

12. Xem thêm ý kiến của PGS.TS Hà Minh Hồng, tlđđ, trang 216.

13. Trong một khảo sát chúng tôi được tham gia, nhiều cán bộ nghiên cứu không biết tên và địa chỉ của 4 Trung tâm lưu trữ quốc gia cũng như thành phần và loại hình tài liệu đang bảo quản tại đây.

14. Vũ Dương Ninh, tlđđ, tr. 25.